

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 1

Event 101 Boys 8 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Tran Hai, Long	8	Quan Tan Phu	36.90	35.74	
2	Nguyen Tuan, Khoi	8	Quan 5	38.00	36.65	
3	Tran Phan Nghe, Minh	8	Quan Phu Nhuan	38.00	38.52	
4	Nguyen Minh, Phuc	8	Quan 1	39.00	39.36	
5	Ho Hieu, Minh	8	Quan Phu Nhuan	39.00	40.33	
6	Le Hoang, Minh	8	Quan Phu Nhuan	43.00	43.11	
7	Tran Bao, Son	8	Quan Go Vap	NT	44.37	
8	Nguyen Hoang, Quan	8	Quan Phu Nhuan	42.00	44.87	
9	Ng Quoc Dang, Khoa	8	Quan Tan Phu	46.00	45.04	
10	Huynh, Anh	8	Quan 1	NT	50.12	
11	Hoang Vo Nhan, Bach	8	Quan 5	NT	52.45	
12	Bui Hoang Nam, Nguyen	8	Quan 1	NT	54.47	
13	Nguyen Minh, Khang	8	Quan 1	NT	55.19	
14	Ho Dai, Nghia	8	Quan 10	NT	1:00.50	
15	Nguyen Chi, Hai	8	Quan 5	NT	1:01.04	
16	Ng Tran Duy, Nhat	8	Quan 10	NT	1:02.00	
17	Dinh Y, Vuong	8	Quan 5	56.00	1:04.45	
---	Nguyen Bao, Nguyen	8	Quan 5	NT	X49.39	
---	Ha Tien, Dat	8	Quan 3	NT	X49.53	
---	Duong Gia, Hao	8	Quan 5	NT	DQ	
---	Duong Anh, Tuan	8	Quan 5	NT	DQ	

Event 102 Girls 8 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Bui Khanh, Chi	8	Quan Phu Nhuan	39.90	37.98	
2	Vo My, Hanh	8	Quan Tan Phu	44.00	40.30	
3	Nguyen Minh, Thu	8	Quan 5	42.00	40.68	
4	Nguyen Khanh, Chau	8	Quan Tan Phu	41.00	42.00	
5	Phan Gia, Han	8	Quan Binh Thanh	45.00	43.27	
6	Pham Do Tu, Duong	8	Quan Phu Nhuan	45.00	43.59	
7	Vu Huong, Thao	8	Quan 1	40.00	43.76	
8	Ng Tran Lan, Phuong	8	Quan Phu Nhuan	42.10	47.19	
9	Chu Pham Y, Binh	8	Quan Tan Phu	46.00	47.31	
10	Do Quynh, Chi	8	Quan 1	NT	47.74	
11	Lo Phuong Bao, Ngan	8	Quan Tan Phu	45.00	47.79	
12	Dao Ngoc Hoang, Anh	8	Quan 10	NT	49.37	
13	Huynh Ngoc Doanh, Doanh	8	Quan Phu Nhuan	47.00	49.69	
14	Ta Cong, Anh	8	Quan 1	NT	50.18	
15	Le Diep, Anh	8	Quan 4	NT	50.83	
16	Nguyen Gia, Nghi	8	Quan 5	NT	56.62	
17	Le Hoang Kim, Phuc	8	Quan 5	58.00	58.41	
18	Ngo Le Ha, Anh	8	Quan 3	51.00	59.97	
19	Vo Bich Thien, Chau	8	Quan 5	NT	1:02.09	
20	Yerang, Lee	8	Quan 4	NT	1:06.89	
---	Doan Thi Uyen, Nhi	8	Quan Tan Phu	46.00	DQ	
---	Nguyen Kim An, Anna	8	Quan 3	NT	NS	

Event 103 Boys 9 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Hoang Nguyen Anh, Tu	9	Quan Tan Phu	34.89	34.46	
2	Lai Ung, Vu	9	Quan Phu Nhuan	37.70	36.97	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 1

(Event 103 Boys 9 Year Olds 50 LC Meter Butterfly)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
3	Nguyen Gia, Phuc	9	Quan Phu Nhuan	36.00	37.01	
4	Pham Cao, Thang	9	Quan 4	42.00	37.89	
5	Vo Bao, Anh	9	Quan 4	38.00	38.60	
6	Phan Gia, Hung	9	Quan Binh Thanh	39.00	39.78	
7	Bui Hoang, Minh	9	Quan Phu Nhuan	40.00	39.81	
8	Tran Thanh, Nhan	9	Quan Tan Phu	39.00	40.43	
9	Luu Ng Phuoc, Toan	9	Quan 5	38.00	40.69	
10	Tran Bao, Khoa	9	Quan Tan Phu	40.00	41.84	
11	Tran Thien, Minh	9	Quan 1	40.00	42.15	
12	Hong Trien, Hoang	9	Quan 5	39.00	42.21	
13	Nguyen Cao, Vinh	9	Quan Binh Thanh	41.00	43.60	
14	Mai Cao, Vy	9	Quan 4	45.00	44.13	
15	Phan Le Minh, Truc	9	Quan Tan Phu	41.52	44.38	
16	Nguyen Thien, Huu	9	Quan Binh Thanh	45.00	44.90	
17	Truong Minh, Tri	9	Quan 1	NT	45.11	
18	Phan Cam, Binh	9	Quan 1	40.00	45.16	
19	Thi Gia, Tuan	9	Quan Binh Thanh	43.00	46.21	
20	Pham Minh, Tu	9	Quan 1	NT	47.28	
21	Dang Hai, Thien	9	Quan Binh Thanh	44.00	48.10	
22	Le Ho Khang, Phi	9	Quan 5	NT	49.29	
23	Lo Minh, Khang	9	Quan 1	NT	50.48	
24	Phan Tu, Hung	9	Quan 1	NT	52.39	
---	Nguyen Phu, Gia	9	Quan 5	NT	DQ	
---	Ma Thanh Trung, Chinh	9	Quan 1	36.00	DQ	
---	Dang Duc Thien, Tue	9	Quan Binh Thanh	44.50	NS	

Event 104 Girls 9 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Pham Do Phuong, Lam	9	Quan 5	37.00	36.66	
2	Pham Ngoc Gia, Han	9	Quan 1	36.00	36.85	
3	Hoang Do Ha, Quyen	9	Quan Phu Nhuan	37.60	37.42	
4	Tran Son, Ha	9	Quan Phu Nhuan	36.80	37.53	
5	Tran Tue, Lam	9	Quan 5	37.00	38.01	
6	Le Lan, Huong	9	Quan Phu Nhuan	39.00	38.15	
7	Phan Hoang, Ngan	9	Quan Tan Phu	37.00	40.26	
8	Nguyen Phuong, Nghi	9	Quan 5	39.00	41.27	
9	Vo Ng Bao, Ngan	9	Quan 5	42.00	42.69	
10	Vu Bao, Ngoc	9	Quan Tan Phu	44.00	42.95	
11	Do Ngoc Bao, Tran	9	Quan Tan Phu	45.00	43.25	
12	Tran Tue, Man	9	Quan 5	42.00	43.39	
13	Pham Huynh Ngoc, Suong	9	Quan Tan Phu	45.00	43.49	
14	Huynh Tran Thanh, Thuy	9	Quan 1	40.00	43.75	
15	Vu Tran Hong, Phuc	9	Quan 3	44.00	45.44	
16	Harang, Lee	9	Quan 4	NT	47.69	
17	Le Huynh Mai, Kha	9	Quan Tan Phu	42.00	47.94	
18	Nguyen Chau Cat, Tuong	9	Quan Binh Thanh	NT	49.57	
19	Ng Thanh Thuy, Vy	9	Quan 5	NT	49.62	
20	Ho An, Nhi	9	Quan 5	NT	50.21	
21	Le Do Thuy, Khanh	9	Quan 3	47.00	50.31	
22	Tran Bao, Vy	9	Quan 5	NT	1:03.75	
---	Le Hoang Thanh, An	9	Quan Binh Thanh	NT	DQ	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 1

Event 105 Boys 10 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ha Quoc, Nguyen	10	Quan Tan Phu	30.45	30.40	
2	Tran Minh, Khoa	10	Quan 3	31.00	31.48	
3	Nguyen Trung, Hieu	10	Quan Phu Nhuan	35.90	34.57	
4	Lai Ung, Hao	10	Quan Phu Nhuan	36.00	34.75	
5	Nguyen Tuan, Khang	10	Quan 5	36.00	36.16	
6	Ho Bao, Nam	10	Quan Phu Nhuan	38.00	36.17	
7	Ng Le Nhat, Khoi	10	Quan 3	38.00	36.47	
8	Nguyen Chan, Phong	10	Quan Phu Nhuan	37.10	36.59	
9	Pham Hoang Anh, Khoi	10	Quan Tan Phu	37.23	36.95	
10	Mai Phuc, Nguyen	10	Quan 5	NT	37.83	
11	Huynh Minh, Phu	10	Quan 5	37.00	38.96	
12	Nguyen Tien, Phuoc	10	Quan Tan Phu	40.06	40.09	
13	Chung Vu Gia, Phuc	10	Quan Tan Phu	38.00	40.94	
14	Pham Bao, Di	10	Quan 1	37.00	41.40	
15	Phan Minh, Hung	10	Quan Binh Thanh	40.00	41.97	
16	Nguyen Hieu, Phong	10	Quan Binh Thanh	39.00	42.38	
17	Nguyen Cao Thien, Phuc	10	Quan Tan Phu	43.00	42.86	
18	Dang Thai, Bao	10	Quan 5	NT	42.95	
19	Huynh Minh Hai, Long	10	Quan 1	40.00	43.11	
20	Tran Thai, Duong	10	Quan 5	NT	43.22	
21	Ng Dinh Son, Minh	10	Quan 5	44.00	43.35	
22	Le Tu Minh, Khoi	10	Quan 1	NT	43.83	
23	Tran Minh, Quang	10	Quan Tan Phu	37.23	43.96	
24	Hoang Minh Tuong, An	10	Quan 5	42.00	45.23	
25	Huynh Tri, Thien	10	Quan 1	NT	46.24	
26	Nguyen Gia, Bao	10	Quan Tan Phu	37.23	46.52	
27	Nguyen Phuc, Nguyen	10	Quan 4	NT	47.50	
28	Tran Quang, Minh	10	Quan 1	NT	54.89	
---	Le Hoang Minh, An	21	Quan Phu Nhuan	NT	X27.45	
---	Ho Quoc, Dung	10	Quan 5	NT	NS	
---	Cong Gia, Hung	10	Quan 5	NT	NS	

Event 106 Girls 10 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Le Hoang Gia, Han	10	Quan Tan Phu	34.36	33.41	
2	Nguyen Thi Tuong, An	10	Quan Phu Nhuan	34.80	33.76	
3	Le Thanh, Ha	10	Quan Phu Nhuan	37.00	35.85	
4	Phung Ng Bich, Duyen	10	Quan Phu Nhuan	37.50	35.87	
5	Doan Tran Quynh, Tram	10	Quan Binh Thanh	38.00	36.08	
6	Nguyen Truc, Nhu	10	Quan 5	35.00	36.21	
7	Tran Ngoc, Mai	10	Quan 10	36.00	37.08	
8	Hua Gia, Nghi	10	Quan Binh Thanh	36.00	37.10	
9	Vu Thao, Nhi	10	Quan Phu Nhuan	38.80	37.19	
10	Ng Ngoc Nha, Uyen	10	Quan 5	38.00	38.15	
11	Ng Bao Lam, Anh	10	Quan 3	39.00	38.30	
12	Ho Bao, Ngoc	10	Quan Tan Phu	38.90	38.78	
13	Huynh Thien, My	10	Quan Binh Thanh	37.00	39.70	
14	Ng Ngoc Bao, Nhi	10	Quan Tan Phu	40.00	40.67	
15	Tran Bao Vy, Oanh	10	Quan Tan Phu	40.00	41.23	
16	Ng Thi Ngoc, Truc	10	Quan Tan Phu	39.00	41.39	
17	Ng Ngoc Quy, Tran	10	Quan Phu Nhuan	36.50	41.89	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 1

(Event 106 Girls 10 Year Olds 50 LC Meter Butterfly)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
18	Nguyen Thuc, Quyen	10	Quan 5	NT	42.02	
19	Nguyen Mai, Anh	10	Quan Phu Nhuan	42.00	42.05	
20	Dao Manh Khanh, Vi	10	Quan 3	42.00	42.23	
21	Vuu Boi, Kim	10	Quan 5	40.00	42.83	
22	Tran Tue, Lam	10	Quan Binh Thanh	40.00	42.96	
23	Ng Le Phuong, Vy	10	Quan 1	NT	43.86	
24	Tran Pham Quynh, Thy	10	Quan 3	42.00	44.02	
25	Truong Huynh Truc, Thao	10	Quan 5	55.00	44.19	
26	Le Hai, My	10	Quan 1	NT	44.65	
27	Le Hai, Thanh	10	Quan 1	NT	47.41	
28	Tran Bao, Ngoc	10	Quan 1	NT	48.62	
29	Cu Trinh Gia, Han	10	Quan 1	NT	48.66	
30	Do Quynh, Phuong	10	Quan 1	NT	48.80	
31	Pham Le An, Khoi	10	Quan 4	NT	48.96	
32	Ng Truong Thien, An	10	Quan 5	NT	58.99	

Event 107 Boys 11 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ng Dinh Gia, Huy	11	Quan Phu Nhuan	33.10	31.89	
2	Ly Huy, Hoang	11	Quan 5	31.00	32.03	
3	Pham Truong, Thinh	11	Quan 5	33.00	32.13	
4	Le Bao, Chau	11	Quan 1	32.00	32.69	
5	Tran Gia, Phuc	11	Quan Phu Nhuan	30.80	32.97	
6	Le Phi, Thang	11	Quan Tan Binh	33.00	33.21	
7	Ng Pham Gia, Quang	11	Quan Phu Nhuan	31.80	33.60	
8	Mai Xuan, Minh	11	Quan Tan Binh	35.00	34.11	
9	Nguyen Quoc Nhat, Minh	11	Quan 1	34.00	34.28	
10	Tran Huu, Dat	11	Quan Tan Phu	34.20	34.36	
11	Nguyen Hai, Nam	11	Quan Tan Phu	37.12	35.43	
12	Dang Duc Hai, Dang	11	Quan 5	34.00	35.52	
*13	Ng Hoang Dang, Khoi	11	Quan Phu Nhuan	35.50	35.70	
*13	Vu Hai, Phong	11	Quan Tan Binh	36.00	35.70	
15	Ng Vu Phi, Long	11	Quan Tan Phu	36.89	35.85	
16	Ha Gia, Hoang	11	Quan Tan Phu	36.25	36.11	
17	Vuu Khai, An	11	Quan 5	34.00	36.79	
18	Vu Tung, Bach	11	Quan Phu Nhuan	36.00	38.42	
19	Phan Tien, Thanh	11	Quan 3	38.00	39.29	
20	Ng Tran Dang, Khoi	11	Quan 5	38.00	39.38	
21	Hong Duc, Phong	11	Quan 5	NT	39.49	
22	Doan Ng Minh, Long	11	Quan 3	40.00	39.93	
23	Vo Tuan, Anh	11	Quan 1	NT	40.92	
24	Dinh Tuan, Kiet	11	Quan Tan Phu	40.12	41.09	
25	Cao Minh Trong, Nghia	11	Quan 5	NT	41.63	
26	Nguyen Minh, Thai	11	Quan 5	35.00	43.36	
27	Pham Binh, Minh	11	Quan 1	NT	44.08	
28	Pham Ho Thanh, Lam	11	Quan Tan Phu	42.60	47.98	
---	Phung Chan, Minh	11	Quan 1	37.00	NS	
---	Nguyen Quang, Thang	11	Quan Tan Phu	36.18	NS	

Event 108 Girls 11 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Hananh, White	11	Quan 5	33.00	32.48	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 1

(Event 108 Girls 11 Year Olds 50 LC Meter Butterfly)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
2	Vu Ngoc Hai, Bang	11	Quan 10	33.00	32.82	
3	Hoang Le Thao, My	11	Quan Tan Phu	33.54	33.45	
4	Nguyen Que, An	11	Quan Phu Nhuan	34.80	34.69	
5	Vo Cat Gia, An	11	Quan 1	35.00	35.40	
6	Ng Vo Khanh, Ngoc	11	Quan 5	36.00	35.43	
7	Ng Ngoc Gia, Han	11	Quan Phu Nhuan	35.50	35.52	
8	Nguyen Phuc Bao, Ngan	11	Quan Binh Thanh	33.00	35.64	
9	Kieu Tran Tam, An	11	Quan 1	37.00	35.95	
10	Pham Ngoc Quynh, Nhu	11	Quan Tan Binh	36.00	36.01	
11	Le Ngoc Quynh, Chi	11	Quan Tan Phu	38.25	36.81	
12	Ng Ho Phuong, Nhi	11	Quan 1	40.00	37.02	
13	Le Ho An, Phi	11	Quan 5	38.00	37.19	
14	Nguyen Diem, Quynh	11	Quan Phu Nhuan	37.00	37.30	
15	Nguyen Quynh, Tram	11	Quan Tan Phu	38.17	37.63	
16	Tran Dao Bao, Tran	11	Quan 5	38.00	37.86	
17	Le Ngoc An, Nhien	11	Quan 1	40.00	38.20	
18	Ng Ngoc Bao, Yen	11	Quan Go Vap	NT	38.43	
19	Ng Ngoc Bao, Tran	11	Quan 5	39.00	38.87	
20	Le Tran Minh, Anh	11	Quan 5	NT	39.53	
21	Phan Quynh, Nguyen	11	Quan Tan Phu	40.00	40.67	
22	Tran Vo Ha, Phuong	11	Quan 4	NT	41.91	
23	Huynh Ng Thach, Thao	11	Quan Tan Phu	40.00	42.66	
24	Lam Do Ngoc, Van	11	Quan Tan Phu	40.98	45.94	
25	Vu Hoang, Lam	11	Quan Tan Phu	45.00	47.64	
26	Tran Bich Lam, Phuong	11	Quan 3	45.00	48.04	

Event 109 Boys 12 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Banh Tien, Hung	12	Quan Go Vap	29.00	29.80	
2	Nguyen Anh, Quan	12	Quan Tan Binh	29.00	30.06	
3	Pham Phuoc, Nhan	12	Quan Phu Nhuan	30.50	30.21	
4	Mach Trieu, Phong	12	Quan 3	29.00	30.73	
5	Ng Vinh Thai, Bao	12	Quan 4	33.00	30.76	
6	Nguyen Tri, Viet	12	Quan 5	32.00	31.08	
7	Dang Do Anh, Khoa	12	Quan Tan Phu	31.82	31.31	
8	Ha Quoc, Toan	12	Quan Tan Phu	34.43	31.69	
9	Huynh Ng Le, Danh	12	Quan Tan Phu	32.61	32.41	
10	Le Truong Phu, Hung	12	Quan 4	35.00	36.35	
11	Nguyen Anh, Huy	12	Quan 5	NT	37.98	
12	Bui Dong, Khoa	12	Quan 1	NT	38.61	
13	Ng Tran Gia, Phuc	12	Quan 4	NT	38.70	
14	Ng Quang Thien, Phu	12	Quan 5	NT	39.54	
15	Vuong Tuan, Khang	12	Quan 5	45.00	43.05	
16	Pham Cao, Tri	12	Quan 4	NT	46.70	
---	Mai Cao, Tri	12	Quan 4	NT	NS	
---	Thi Tat, Thanh	12	Quan Binh Thanh	35.00	NS	

Event 110 Girls 12 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ho Quynh, Anh	12	Quan 5	30.50	31.19	
2	Dang Nguyen, Vy	12	Quan Phu Nhuan	30.80	31.65	
3	Nguyen Thao, Nhan	12	Quan Phu Nhuan	33.00	32.20	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 1

(Event 110 Girls 12 Year Olds 50 LC Meter Butterfly)

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
4	Ng Truong Bao, Nghi	12	Quan 5	32.00	32.32	
5	Ng Ngoc Bao, Ngan	12	Quan Tan Phu	33.25	33.26	
6	Ng Thi An, Binh	12	Quan Phu Nhuan	32.00	33.44	
7	Tran Ngoc, Minh	12	Quan 3	35.00	36.39	
8	Hong Hieu, Doanh	12	Quan 5	35.00	36.72	
9	Tran Pham Quynh, Anh	12	Quan 3	36.00	37.09	
10	Le Pham Khanh, Quyen	12	Quan 1	NT	37.64	
11	Vo Hoang Thao, Nguyen	12	Quan 3	41.00	37.87	
12	Ng Huynh Bao, Ngoc	12	Quan Tan Phu	38.67	39.10	
13	Ho Minh Bao, Tram	12	Quan Tan Phu	38.17	41.40	

Event 111 Boys 13 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Duy, Khang	13	Quan 10	29.00	28.85	
2	Hoang Ng Anh, Khoi	13	Quan Tan Phu	28.73	28.92	
3	Dang Nguyen, Khoi	13	Quan Binh Thanh	28.60	29.19	
4	Tran Minh, Thien	13	Quan 5	30.00	29.71	
5	Vo Phi, Khanh	13	Quan Tan Phu	30.71	29.87	
6	Duong Minh Phuc, Anh	13	Quan 3	29.00	30.10	
7	Duong Minh, Quan	13	Quan Tan Phu	31.00	30.70	
8	Duong Nguyen Thanh, Tai	13	Quan 1	30.00	30.89	
9	Vo Hoang, Dang	13	Quan Binh Thanh	30.00	31.22	
10	Phan, Anh	13	Quan 4	32.00	31.70	
11	Mai Thanh, Trieu	13	Quan 5	33.00	32.45	
12	Ng Hoang Tuan, Kiet	13	Quan Tan Binh	33.00	32.66	
13	Vo Bao Minh, Khang	13	Quan Tan Phu	31.00	32.79	
14	Ton That Quoc, Hoang	13	Quan Tan Phu	34.00	33.40	
15	Nguyen Tung, Lam	13	Quan Tan Phu	35.16	33.45	
16	Duong Minh Huy, Anh	13	Quan 3	33.00	33.74	
17	Ton That Quoc, Huy	13	Quan Tan Phu	35.00	35.15	
---	Truong Viet, Vu	15	Quan 1	NT	X25.97	
---	Ng Gia, Bao	13	Quan 3	32.00	NS	

Event 112 Girls 13 Year Olds 50 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Tran Thi Hue, Man	13	Quan 4	30.00	29.70	
2	Nguyen Kim, Ngan	13	Quan Tan Phu	30.50	31.08	
3	Le Ngoc Mai, Phuong	13	Quan 5	30.80	31.30	
4	Huynh Xuan, Uyen	13	Quan 5	30.50	31.48	
5	Vo Thuy Phuong, Nghi	13	Quan 1	31.00	31.71	
6	Ng Thuy Thuy, Trang	13	Quan Tan Phu	31.00	31.89	
7	Doan Nguyen, Ngoc	13	Quan 10	32.50	32.43	
8	Pham Sao, Mai	13	Quan 3	32.00	33.29	
9	Ng Ngoc Song, Linh	13	Quan Binh Thanh	31.00	34.28	
10	Pham Khanh, Linh	13	Quan 10	33.00	34.34	
11	Le Bao, Linh	13	Quan 1	33.00	34.36	
12	Luu Thi Tam, Dung	13	Quan 1	33.00	35.12	
13	Lam Thi Thuy, Truc	13	Quan Binh Thanh	36.00	35.45	
14	Le Ngoc Phuong, Uyen	13	Quan Binh Thanh	37.00	41.93	
---	Doan Kim, Ly	13	Quan 1	30.00	NS	
---	Dang Diem Tam, Anh	13	Quan 5	NT	NS	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023

Results - Ngay 1

Event 113 Boys 14 Year Olds 100 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ng Huynh Dong, Quan	14	Quan 1	1:01.00	1:00.61	
2	Ngo Choi Minh, Duc	14	Quan 1	1:01.00	1:01.12	
3	Nguyen Khoi, Nguyen	14	Quan Phu Nhuan	1:01.00	1:02.32	
4	Nguyen Hiep, Phuoc	14	Quan Phu Nhuan	1:06.00	1:03.53	
5	Tran, Tien	14	Quan 6	1:04.00	1:05.73	
6	Nguyen Nam Gia, Bao	14	Quan Go Vap	1:01.00	1:06.38	
7	Lam Vi, Toan	14	Quan 6	1:02.45	1:06.61	
8	Tran Gia, Thuan	14	Quan Binh Thanh	1:05.00	1:07.43	
9	Thai Vi, Duc	14	Quan 6	1:02.05	1:08.66	
10	Nguyen Hiep, Thanh	14	Quan Phu Nhuan	1:10.00	1:09.02	
---	La Quoc, Tan	14	Quan 5	1:15.00	NS	
---	Tran Nguyen, Chuong	14	Quan 3	1:05.00	NS	

Event 114 Girls 14 Year Olds 100 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Huynh Thien, Ngoc	14	Quan 5	1:06.00	1:06.79	
2	Ng Doan Minh, Anh	14	Quan Tan Binh	1:10.00	1:09.43	
3	Tran Ngoc Bang, Tam	14	Quan Binh Thanh	1:09.00	1:12.06	
4	Do Tran Hoang, Anh	14	Quan Phu Nhuan	1:10.00	1:13.02	
5	Vu Nguyen Boi, Anh	14	Quan 1	NT	1:13.27	
6	Pham My, Chau	14	Quan 5	1:20.00	1:15.21	
7	Banh Ngoc Thao, Tien	14	Quan Phu Nhuan	1:17.00	1:17.26	
8	Ng Hoa Lam, Ngoc	14	Quan 5	1:19.00	1:19.80	
9	Ho Bao, Chau	14	Quan Tan Phu	1:20.00	1:20.20	
10	Tran Kim, Hao	14	Quan 4	NT	1:46.92	
---	Van Khanh, Linh	14	Quan 5	NT	NS	

Event 115 Boys 15 Year Olds 100 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Ng Phan Nhat, Quang	15	Quan Phu Nhuan	57.00	57.84	
2	Hoang Tan Ngoc, Minh	15	Quan Phu Nhuan	56.90	58.29	
3	Tran Anh, Tu	15	Quan 1	59.00	1:00.79	
4	Bui Minh, Khang	15	Quan Phu Nhuan	1:00.00	1:01.22	
5	Hoang Tan, Khai	15	Quan 1	1:01.00	1:01.34	
6	Do Tran, An	15	Quan 1	1:00.00	1:02.61	
7	Ngo Gia, Hao	15	Quan 3	1:03.00	1:03.35	
8	Doan Ng Huy, Dat	15	Quan Phu Nhuan	1:02.00	1:04.19	
9	Pham The, Lam	15	Quan 5	1:07.00	1:06.17	
10	Vu Tung, Duong	15	Quan Phu Nhuan	1:00.00	1:09.81	
11	Do Phan Nhat, Khang	15	Quan 1	NT	1:10.13	
12	Mai Cao, Khai	15	Quan 4	NT	1:10.56	
13	Ng Quang Trung, Hieu	15	Quan Phu Nhuan	1:06.00	1:12.43	
14	Luu Nguyen, Duc	15	Quan 1	NT	1:17.33	
---	Do Tran Hoang, Loc	15	Quan Phu Nhuan	NT	X1:01.11	

Event 116 Girls 15 Year Olds 100 LC Meter Butterfly

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Vu Thi Phuong, Anh	15	Quan Tan Binh	1:03.00	1:04.66	
2	Nguyen Kha, Nhi	15	Quan 1	1:04.00	1:05.74	
3	Le Nguyen Nhu, Quynh	15	Quan 1	1:07.00	1:10.05	
4	Ng Ngoc Thuy, Tien	15	Quan 10	1:05.00	1:10.11	
5	Lam Gia, Han	15	Quan 3	1:09.00	1:10.94	

VO DICH TOAN NANG CAC LUA TUOI - 6/11/2023 to 9/11/2023**Results - Ngay 1****(Event 116 Girls 15 Year Olds 100 LC Meter Butterfly)**

	Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
6	Le Pham Khanh, Vy	15	Quan 1	NT	1:25.61	
7	Le Pham Nhu, Y	15	Quan 5	NT	1:41.96	
---	Dang Ng Phuong, Tram	15	Quan Phu Nhuan	1:10.00	NS	